

XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH VÀ NHẬN DIỆN RỦI RO, CƠ HỘI CỦA CÔNG TY

STT	Quá trình	Lĩnh vực	Rủi ro và cơ hội	Nguyên nhân	Đánh giá rủi ro			Mức độ rủi ro	Hành động giải quyết rủi ro	Hành động bổ sung nếu có rủi ro cao	BP thực hiện	Kết quả mong đợi	Phương pháp xác nhận kết quả	Ghi chú	
					KNXR	MDNT	Kết quả								
A	VẤN ĐỀ BÊN TRONG														
1	<b>Đội ngũ nhân viên/ cấp quản lý:</b> Năng lực quản lý, kỹ năng chuyên môn, nhận thức, kiến thức, khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, ...	Chất lượng	Năng lực nhân sự không đáp ứng được yêu cầu. Không đảm bảo được công việc trong môi trường công nghiệp nặng.	Nhân viên mới chưa có nhiều kinh nghiệm trong an toàn sản xuất. Một số CBNV phải kiêm nhiệm nhiều công việc. Trình độ CBNV chưa đồng đều. Trình độ CBNV đầu vào chưa đáp ứng đủ cho công việc.	2	2	4	Loại 3	Tổ chức lớp đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên/ quản lý (tự đào tạo hoặc đào tạo bên ngoài). Kiểm tra sau đào tạo và đào tạo lại đối với TH không đạt yêu cầu. Tạo điều kiện bổ sung nhân lực phù hợp với vị trí làm việc. Tăng cường công tác kiểm tra kiến thức, kinh nghiệm trong quá trình tuyển dụng.		P.NS, Các BP	Đảm bảo nhân lực đáp ứng yêu cầu công việc.	Đánh giá khung năng lực. Kết quả đào tạo theo QT.04.		
		Chất lượng	CBNV chấp hành nội quy, quy định chưa cao.	Tác phong ý thức làm việc chưa tốt.	3	2	6	Loại 3	Thiết lập hệ thống giám sát, kiểm tra tính tuân thủ NQQC. Tổ chức đào tạo, tuyên truyền, phổ biến cho CBNV.		P.NS, P.ATMT Các BP	Ngăn ngừa được tình trạng vi phạm NQQC. Giảm tai nạn lao động xảy ra.	Kế hoạch kiểm tra. Bảng kiểm tra. Biên bản họp đầu giờ. Biên bản vi phạm.		
		ATMT	Tuân thủ các QT, QĐ, HD về ATMT chưa cao rủi ro TNLĐ, tạo ra sự cố, vi phạm về môi trường	Cán bộ quản lý chưa nghiêm; Nhận thức về ATMT của CBNV chưa cao. CBNV chưa nắm bắt được các mối nguy, rủi ro, các quy định an toàn, môi trường tại vị trí làm việc.	3	2	6	Loại 3	Tổ chức tuần tra, kiểm tra giám sát tuân thủ QT, QĐ, HD về ATMT. Lập Biên bản xử phạt người vi phạm và Cán bộ quản lý liên quan. Tổ chức đào tạo thường xuyên về các QT, QĐ, HD ATMT liên quan đến CBNV. Tổ chức đào tạo ATLĐ cũng như các nội quy, quy chế Công ty ngay đầu tiên nhận việc. NV ATLĐ BP tổ chức đào tạo mỗi nguy rủi ro, các quy định ATMT tại vị trí làm việc trước khi bàn giao về tổ đào tạo hướng dẫn công việc.		P.ATMT, P.NS (đơn vị đào tạo ATLĐ thuê ngoài), Các BP	Nâng cao ý thức cho CBNV Giám TNLĐ, vi phạm về AT-MT. Phòng ngừa được TNLĐ do thiếu hiểu biết	Báo cáo kết quả tháng các BP Báo cáo TNLĐ, vi phạm ATMT từ P.ATMT.		
		Chất lượng	Triển khai dự án mở rộng, học hỏi được kỹ năng/kinh nghiệm mới.												
		Chất lượng	Đội ngũ quản lý có kinh nghiệm nhiều năm từ Công ty CP Thép Hải Dương.												
		Chất lượng	Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý.												
2	<b>Tổ chức nhân sự:</b> Cấu trúc tổ chức, trách nhiệm quyền hạn, cơ cấu lao động, tổ chức lao động, tỉ lệ nghỉ việc, tiền lương, ...	Chất lượng	Tỷ lệ nghỉ việc tăng. Khó khăn trong tuyển dụng nhân lực do đặc thù ngành (luyện kim)	Do thời gian dừng sản xuất, NLD nghỉ việc trong các ngày không sản xuất. Tiền lương giảm, NLD có thể tìm cơ hội khác.  Có rất nhiều công ty đã và đang xây dựng KCN gần Công ty sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho NLD.	1	3	3	Loại 4	Đánh giá lại số lượng nhân sự dự dư trong các ngày dừng sản xuất. Lập kế hoạch thực hiện công việc, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị trong các tháng sản xuất ít. Bảo đảm máy móc thiết bị hoạt động ổn định trong các tháng cao điểm.		P.NS, P.TBC, P.TBD, Các BP	NLD gắn bó lâu dài với Công ty	Danh sách nhân sự nghỉ việc hàng năm. Kết quả tuyển dụng nhân sự.		
				2	3	6	Loại 3	P.NS tìm hiểu thêm mức lương, các chế độ đãi ngộ NLD của các đơn vị khác để có đề xuất kịp thời với BGD nhằm giữ chân các CBNV giỏi. Nắm bắt kịp thời và động viên tư tưởng của người lao động chia sẻ, gắn bó với công ty trong giai đoạn khó khăn nhất định. Duy trì tích cực kênh tuyển dụng hiện có và tìm kiếm thêm các kênh tuyển dụng mới.		P.NS					
		Chất lượng	Xây dựng hệ thống đào tạo, sát hạch, đánh giá KNL nâng cao trình độ, tay nghề, an toàn cho NLD.												
3	<b>Văn hoá Công ty:</b> Trang phục, đối thoại, ứng xử, khen thưởng, động viên, môi trường làm việc, niềm tin, quan điểm, tiêu chuẩn giá trị, ...	Chất lượng	Người lao động mất niềm tin vào công việc đang làm, không còn nhiệt huyết trong công việc, năng suất và hiệu quả công việc giảm.	Do tình hình bán hàng chậm, thời gian dừng sản xuất nhiều, người lao động nghỉ không sản xuất.	1	3	3	Loại 4	Công ty ban hành Quy định, thông báo hỗ trợ NLD trong thời gian dừng sản xuất.		P.NS	NLD gắn bó lâu dài với Công ty	Quy định, thông báo hỗ trợ có liên quan		
		Chất lượng	Lãnh đạo công ty có kinh nghiệm, năng lực, sáng tạo, quan tâm đào tạo đội ngũ CBNV. Thường xuyên tổ chức hoạt động giao lưu teambuilding, thể thao...												
4	<b>Giá trị Công ty:</b> Trách nhiệm, cam kết, chất lượng, sáng tạo, trung thực, tự giác, phát triển, trao quyền, thống nhất, cân bằng, cộng đồng, ...	Chất lượng	Hình ảnh của công ty sẽ mờ nhạt trong mắt người tiêu dùng.	Do sản lượng bán hàng giảm, lợi nhuận giảm, quỹ an sinh xã hội giảm, công ty sẽ ít xuất hiện trong vai trò là đơn vị tài trợ trong các chương trình vì cộng đồng.	1	3	3	Loại 4	Ban Giám đốc chỉ đạo P.CHN phối hợp đẩy mạnh chương trình quảng bá sản phẩm, hỗ trợ bán hàng. Tích cực đồng hành chung tay cùng Nhà nước và cộng đồng xã hội trong công tác phòng chống, đẩy lùi dịch bệnh, khôi phục sự phát triển đất nước.		P.HCĐN	Hình ảnh, vai trò của công ty được nâng cao	Hình ảnh trên web, khen thưởng của CQNN		
5	<b>Hệ thống quản lý:</b> Thiết lập các hệ thống quản lý nhân sự, tài chính, chất lượng, an toàn, năng lượng và môi trường.	Chất lượng	Rủi ro bảo mật thông tin: Thất thoát dữ liệu quan trọng của Công ty.	Hệ thống bị mất kết nối ảnh hưởng đến khả năng vận hành chính xác hoặc dừng sản xuất. Kiểm soát truy cập chưa chặt chẽ.	2	3	6	Loại 3	Xây dựng chính sách bảo mật thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001. Thường xuyên kiểm tra, BTBD thiết bị. Tăng cường nhận thức về an toàn thông tin. Sử dụng xác thực đa yếu tố, mã hóa dữ liệu quan trọng.		B.CNTT	Duy trì sản xuất ổn định. Chống thất thoát dữ liệu quan trọng.	Quyết định ban hành chính sách bảo mật thông tin. Kết quả đào tạo ISO 27001. Quản lý CNTT theo QT.23		
		Chất lượng, ATMT, Năng lượng	Bị thu hồi giấy chứng nhận các hệ thống quản lý (chất lượng, năng lượng, an toàn môi trường...)	Trong quá trình đánh giá không khắc phục được điểm không phù hợp của tổ chức chứng nhận.	1	3	3	Loại 4	Lên thông báo, chuẩn bị hồ sơ, nhân lực phục vụ đánh giá. Tổ chức đánh giá nội bộ định kỳ kịp phát hiện các lỗi KPH tiến hành khắc phục		Ban ISO, Các BP	Duy trì chứng nhận.	Báo cáo hành động khắc phục trong các kỳ đánh giá. Giấy chứng nhận còn hiệu lực.		
		Chất lượng	Không thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLCL đã được xây dựng hoặc duy trì một cách hình thức, đối phó không đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.	CBNV chưa nhận thức đầy đủ việc triển khai quản lý theo các hệ thống quy trình, nội quy, quy định của Công ty.	2	3	6	Loại 3	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện ở các Bộ phận, triển khai đánh giá nội bộ đồng loạt, đầy đủ. Thực hiện xây dựng bài giảng trên hệ thống E-learning mỗi khi áp dụng Quy trình, Hướng dẫn mới.		Ban ISO, Các BP	Duy trì việc thực hiện theo đúng Quy trình/Hướng dẫn đã ban hành	- Hồ sơ thực hiện. - Bảng chứng đánh giá nội bộ. - Bài giảng, bài kiểm tra có liên quan trên hệ thống E-learning.		
		ATMT	Kế hoạch thực hiện mục tiêu ATMT, kế hoạch kiểm tra ATMT thực hiện không đầy đủ, đối phó...	Các cấp Quản lý chưa quan tâm đúng mức về ATMT, chưa hiểu rõ hoạt động quản lý ATMT tốt sẽ có tác động tốt đến sản lượng, chất lượng sản phẩm	2	3	6	Loại 3	Giao trách nhiệm ATMT chính về cho BP chủ động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, tổ chức kiểm tra tại BP. P.ATMT lập kế hoạch, cử nhân viên đầu mỗi kiểm tra, kiểm soát theo dõi việc thực hiện, lập BBSV đề xuất xử phạt đối với BP không đảm bảo. Tổ chức đào tạo nâng cao nhận thức CBNV về ATMT để làm việc năng suất, chất lượng.		Các BP, P.ATMT	Đảm bảo các kế hoạch lập ra được thực hiện, cải tiến liên tục hệ thống quản lý giúp giảm thiểu rủi ro, giảm các khía cạnh môi trường...	Kết quả thực hiện mục tiêu. Kết quả kiểm tra kiểm soát từ P.ATMT		
		Chất lượng, ATMT, Năng lượng	Các HTQL đạt kết quả cao, tác động tích cực đến công tác vận hành của công ty. Công ty nâng cao uy tín với khách hàng và cộng đồng.												



STT	Quá trình	Lĩnh vực	Rủi ro và cơ hội	Nguyên nhân	Đánh giá rủi ro			Mức độ rủi ro	Hành động giải quyết rủi ro	Hành động bổ sung nếu có rủi ro cao	BP thực hiện	Kết quả mong đợi	Phương pháp xác nhận kết quả	Ghi chú
					KNXR	MDNT	Kết quả							
6	<b>Quy trình tác nghiệp:</b> Liên quan đến các hoạt động, việc tiêu chuẩn hóa thao tác, hoạt động, sản phẩm và dịch vụ, ...	Chất lượng	Không đạt sản lượng và chất lượng theo kế hoạch sản xuất	Chất lượng NVL không đồng đều, thiếu NNVL phục vụ sản xuất.	2	3	6	Loại 3	P. Mua hàng mua đúng theo kế hoạch của P.CN đưa ra đảm bảo chất lượng đúng yêu cầu.		P. Mua hàng	Chất lượng đồng đều, đảm bảo đủ NNVL sản xuất.	Bảng theo dõi kế hoạch hàng về. Phiếu đánh giá chất lượng sản phẩm.	
				Sự cố thiết bị gây dừng sản xuất.	2	3	6	Loại 3	Lập KH theo dõi việc thực hiện lắp đặt, cải tạo, BTBD, hiệu chuẩn kiểm định thiết bị đo.		P.TBC, P.TBD	Không xảy ra sự cố thiết bị gây dừng sản xuất.	Thực hiện BTBD, CT theo QT.09	
				Nhân viên vận hành không đúng quy trình, hướng dẫn.	2	3	6	Loại 3	Tổ chức đào tạo, đánh giá KNL định kỳ.		Các BP	Nhân viên vận hành thao tác đúng theo hướng dẫn, đào tạo.	Kết quả đào tạo theo QT.04 và đánh giá khung năng lực trên E-Learning	
				Mua hàng không đúng mã, thời gian giao hàng chậm, hàng dự phòng không có tồn kho.	2	3	6	Loại 3	Rà soát và đánh giá tình trạng sử dụng vật tư, bổ sung phù hợp.		P.CHN	Mua hàng theo đúng yêu cầu, không chậm tiến độ giao hàng.	Hàng dự phòng có tồn kho, không có khiếu nại liên quan tới tiến độ giao hàng.	
		ATMT	Thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn chưa được kiểm định đúng thời hạn	Thiếu theo dõi cập nhật thời hạn kiểm định. Lập kế hoạch đề nghị kiểm định chậm trễ làm thực hiện chậm trễ	2	3	6	Loại 3	Cập nhật thời hạn kiểm định trên phần hệ KD/HC trên SAP Tổ chức kiểm định theo quý, đảm bảo các thiết bị gần đến hạn được kiểm định vào quý trước đó. BP sử dụng có trách nhiệm theo dõi, lập đề nghị	P.ATMT quản lý danh sách riêng, định kỳ nhắc nhở	Các BP P.TBC, P.TBD và P.ATMT	Kiểm định đúng hạn, đảm bảo thiết bị vận hành tốt, an toàn	Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn có hiệu lực.	
		ATMT	Thiết bị giám sát môi trường (quan trắc tự động) kiểm định/ hiệu chuẩn không đúng hạn. Hư hỏng trong quá trình sử dụng, không sửa chữa được ngay.	Lập kế hoạch, đề nghị kiểm định/ hiệu chuẩn chậm trễ. Thiếu bảo trì bảo dưỡng, đề dự đoán hư hỏng chuẩn bị vật tư dự phòng	2	3	6	Loại 3	Cập nhật thời hạn KD/HC/ bảo trì bảo dưỡng trên SAP. BP sử dụng có trách nhiệm theo dõi, lập đề nghị. Tổ chức bảo trì, bảo dưỡng và lập danh mục vật tư dự phòng. Ký hợp đồng nguyên tắc lấy mẫu cho trường hợp TB quan trắc sự cố quá 48h.		Các BP có trạm QTTMT TĐLT P.TBD P.ATMT	KD/HC bảo trì bảo dưỡng đảm bảo thiết bị QTTMT TĐ liên tục không bị sự cố hoặc sự cố nhỏ sửa chữa ngay (<48h)	Kết quả truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên Môi Trường đảm bảo	
		Chất lượng	Dây chuyền công nghệ sản xuất thép khép kín, hiện tại, tự động hóa cao tận dụng được phế thải, tối ưu năng lượng, tiết kiệm chi phí..											
		Chất lượng	Sản xuất được một số chủng loại sản phẩm thép đặc thù.											
7	Kết quả hoạt động Công ty liên quan đến chất lượng	Chất lượng	Phát sinh khiếu nại khách hàng.	Sản phẩm không đạt chất lượng	2	3	6	Loại 3	Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm. Tuân thủ tất cả các quy định của công ty ban hành về mặt chất lượng.		P.CN, P.QLCL	Sản phẩm đạt chất lượng	Không có khiếu nại của khách hàng.	
		Chất lượng	Sai sót trong quá trình tiếp nhận, xử lý mẫu.	Nhầm lẫn trong quá trình xử lý mẫu, phương pháp thử nghiệm không đúng theo tiêu chuẩn, quy định.	1	2	2	Loại 4	Mã hóa mẫu thử nghiệm, trả kết quả phân tích tự động. Tự động hóa các quá trình đo và tính toán.		P.QLCL	Giảm tỉ lệ lấy mẫu nhầm, sai sót.	Trả kết quả thử nghiệm trên phần mềm BK mis. Quá trình lấy mẫu, phân tích theo QT.08	
8	Kết quả hoạt động Công ty liên quan đến an toàn lao động.	ATMT	Tai nạn lao động	Thời gian làm việc trong ca dài (12h) ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng vận hành chính xác.	2	3	6	Loại 3	Khám sức khỏe tuyển dụng đầu vào để sàng lọc. Khám sức khỏe định kỳ để phân loại và bố trí công việc hợp lý. Thực hiện chế độ bồi dưỡng, nâng cao chất lượng bữa ăn.		P.ATMT, P.NS Các BP	Không phát sinh bệnh nghề nghiệp.	Báo cáo Khám sức khỏe đầu vào, định kỳ. Kết quả tham vấn NLD có liên quan.	
				Không tuân thủ quy trình, hướng dẫn, biển cảnh báo, BHLĐ,...	2	3	6	Loại 3	Tổ chức đào tạo các QT/HD liên quan đến ATMT. Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng ngày, định kỳ phát hiện các vi phạm yêu cầu khắc phục/ lập biên bản vi phạm...		Các BP	CBNV tuân thủ đúng biển báo, hướng dẫn, BHLĐ...	Không có biên bản vi phạm.	
				BHLĐ thiếu hụt tồn kho cấp phát, NLD sử dụng không đúng BHLĐ được cấp phát.	1	3	3	Loại 4	Tăng cường đánh giá chất lượng, số lượng BHLĐ tồn kho. Đảm bảo CBNV được dùng đúng loại BHLĐ phù hợp cho từng cá nhân tại mỗi vị trí làm việc.		P.ATMT, BP.K, Các BP	Lượng tồn kho đủ bù đắp cho CBNV mới nhận việc, lượng hư hỏng tiêu hao trong quá trình làm việc.	Hồ sơ đánh giá chất lượng BHLĐ. Hồ sơ theo dõi tồn kho tối đa, tối thiểu.	
9	Kết quả hoạt động Công ty liên quan đến môi trường.	ATMT	Sản xuất thép phát sinh các sản phẩm phụ, chất thải, khí thải ô nhiễm môi trường.	NL lẫn nhiều tạp chất, hệ thống xử lý vượt khá năng.	2	3	6	Loại 3	Hệ thống quan trắc tự động, tổ chức quan trắc định kỳ, có phương án xử lý nếu vượt ngưỡng.		P.ATMT	Hệ thống xử lý vận hành ổn định, không phát sinh sự cố vượt ngưỡng xả thải, xử lý.	Hồ sơ phương án xử lý sự cố chất thải theo QT.18.04. Lịch tổ chức quan trắc định kỳ theo QT.13. Hệ thống quan trắc tự động theo Giấy phép môi trường đã được cấp phép.	
				SP phụ tồn kho lớn, chất thải phát sinh không đủ bãi chứa.	2	3	6	Loại 3	Quy hoạch bãi chứa, kho chứa. Chủ động tiêu thụ các sản phẩm phụ.		BP.K, P.KD	Đủ bãi chứa, lưu kho.	Hồ sơ phân loại chất thải (bao gồm các sản phẩm phụ) theo PL.03/QT.18.14. Kết quả bán sản phẩm phụ.	
				Khí thải, bụi phát sinh không được xử lý triệt để.	1	3	3	Loại 4	Xây dựng lắp đặt hệ thống thu gom khí, bụi thải và hệ thống quan trắc liên tục đảm bảo đầu ra theo QCVN trước khi xả thải. Kiểm tra, giám sát các khu vực phát sinh chưa được thu gom đề xuất phương án cải thiện/cải tiến liên tục.	Căn cứ	P.ATMT Các BP	Hệ thống xử lý vận hành ổn định, không phát sinh sự cố vượt ngưỡng xả thải, xử lý.	Hồ sơ phương án xử lý sự cố chất thải theo QT.18.04. Lịch tổ chức quan trắc định kỳ theo QT.13. Hệ thống quan trắc tự động theo Giấy phép môi trường đã được cấp phép.	
				Thiên tai, dịch bệnh. Môi trường làm việc có yếu tố nặng nhọc, độc hại.	2	2	4	Loại 3	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp. Trang bị BHLĐ phù hợp. Tổ chức quan trắc môi trường để có giải pháp loại bỏ giảm thiểu các yếu tố môi trường độc hại. Trợ cấp vị trí làm việc nặng nhọc, nguy hiểm.		P.ATMT, P.NS	Có phương án kiểm soát sự cố thiên tai, dịch bệnh phát sinh. Kết quả quan trắc môi trường làm việc đảm bảo theo yêu cầu, có phương án bố trí BHLĐ, nhân lực phù hợp nếu kết quả quan trắc vượt ngưỡng.	Hồ sơ diễn tập ứng phó sự cố. Kết quả quan trắc môi trường lao động, bố trí nhân sự, bổ sung BHLĐ có kết quả quan trắc vượt ngưỡng.	
				Cháy nổ gây thiệt hại tài sản, tai nạn lao động.	2	3	6	Loại 3	Trang bị thiết bị PCCC đầy đủ. Tổ chức huấn luyện PCCC liên tục, thường xuyên. Tuần tra, kiểm tra việc tuân thủ PCCC của BP/NT. Trang bị biển cảnh báo các khu vực có nguy cơ cháy nổ.		P.ATMT	Không phát sinh sự cố cháy nổ.	Hồ sơ kiểm tra bảo dưỡng thiết bị theo QT.09. Hồ sơ huấn luyện, diễn tập ứng phó sự cố cháy nổ theo QT.18.04	




STT	Quá trình	Lĩnh vực	Rủi ro và cơ hội	Nguyên nhân	Đánh giá rủi ro			Mức độ rủi ro	Hành động giải quyết rủi ro	Hành động bổ sung nếu có rủi ro cao	BP thực hiện	Kết quả mong đợi	Phương pháp xác nhận kết quả	Ghi chú
					KNXR	MDNT	Kết quả							
10	Kết quả hoạt động Công ty liên quan đến tiết kiệm năng lượng.	Năng lượng	Giá năng lượng tăng.	Năng lượng để duy trì hệ thống trong thời gian dừng máy tăng cao.	2	3	6	Loại 3	Xem xét năng lượng (báo cáo xem xét năng lượng). Hoạch định mục tiêu (mục tiêu năng lượng).		P.CN, P.TBD	Giảm tiêu thụ năng lượng phát sinh ngoài lượng cố định cho sản xuất.	Hồ sơ quản lý năng lượng QT.17	
		Năng lượng	Không đảm bảo sử dụng năng lượng theo quy định của công ty.	Các máy móc thiết bị đầu tư không đồng bộ, một số thiết bị cần thay thế để đảm bảo hoạt động ổn định và sử dụng ít năng lượng.	1	3	3	Loại 4	Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng (kế hoạch thực hiện mục tiêu).		P.CN, P.TBD		Kế hoạch thực hiện mục tiêu sử dụng năng lượng.	
		Năng lượng	Năng lượng được sử dụng hiệu quả, giảm gánh nặng truyền tải điện với hệ thống điện lưới quốc gia. Năng lượng dồi dư giúp công ty phân bổ năng lượng cho các hoạt động khác.											
B	CÁC VẤN ĐỀ BÊN NGOÀI													
1	Chính trị: sự ổn định/ bất ổn của chính trị giữa các phe phái, lực lượng trong quốc gia/ quốc tế, ...	Chất lượng	Kinh tế Việt Nam đang phát triển ổn định, đang trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới.											
2	Kinh tế: sự phát triển ổn định/ không ổn định hoặc suy thoái của ngành/ các ngành liên quan, nền kinh tế quốc gia/ quốc tế, hội nhập kinh tế thế giới, ...	Chất lượng	Những chính sách mới được áp dụng hỗ trợ sản xuất từ phía chính phủ.											
		Chất lượng	Có được các đối tác cung ứng tốt hơn từ các thị trường có tham gia hiệp định tự do thương mại.											
		Chất lượng	Xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường mới.											
		Chất lượng	Là một thành viên tích cực của Hiệp hội Thép Việt Nam.											
3	Pháp luật: luật pháp trong và ngoài nước, các Hiệp định thương mại, các rào cản kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành, ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường và an toàn của Công ty, ...	Năng lượng, ATMT	Nhiều và liên tục thay đổi, gây khó khăn trong quá trình thực hiện.	Sự thay đổi trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cập nhật và phổ biến kịp thời. Văn bản pháp luật về AT-MT-PCCC yêu cầu ngày càng cao, triển khai áp dụng chưa triệt để.	2	3	6	Loại 3	Lập danh mục văn bản PL liên quan và cập nhật liên tục. Phân công người theo dõi, xử lý công văn đến đầy đủ. Phổ biến, thực hiện áp dụng VBPL triệt để.		P.ATMT, P.TBD	Cập nhật đầy đủ danh mục yêu cầu sự tuân thủ pháp luật.	Hồ sơ tuân thủ theo QT.19	
4	Nhà cung cấp, Nhà thầu thi công	Chất lượng	Các nhà cung cấp truyền thống đảm bảo đầu vào ổn định.											
		ATMT	Nhà thầu thi công bằng trang thiết bị không đảm bảo ATMT (thiết bị nghe ồn ngắt chưa kiểm định, xe máy chuyên dùng chưa đáng kiểm,...) gây mất an toàn, ô nhiễm môi trường	Thiếu kiểm soát đầu vào, Nhà thầu sử dụng thiết bị không đảm bảo để giảm chi phí/ thiếu quản lý thiết bị,..	2	3	6	Loại 3	BP.K quản lý giấy tờ hồ sơ thiết bị đầu vào, đặt mới tiến hành xác nhận cho vào.	Tổ chức kiểm tra, kiểm soát đợt xuất trang thiết bị nhà thầu	BP.K P.ATMT và các BP	Thiết bị đảm bảo ATMT	Kết quả kiểm tra, số theo dõi trang thiết bị của BP.K	
		ATMT	NLĐ Nhà thầu chưa được đào tạo an toàn theo quy định, thiếu hiểu biết gây rủi ro TNLD.	Thiếu kiểm soát đầu vào	2	3	6	Loại 3	Văn phòng 1 cửa thực hiện kiểm tra, kiểm soát hồ sơ đăng ký làm thẻ đầy đủ chứng nhận/ danh sách đào tạo theo quy định mới được cấp thẻ ra vào KLH cho NT làm việc		VP1 cửa - P.ATMT	NLĐ được trang bị kiến thức an toàn, giảm thiểu TNLD do thiếu hiểu biết	Báo cáo kết quả hằng tháng. Danh sách thẻ NT và hồ sơ đào tạo đầy đủ.	
		ATMT	Nhà thầu trong quá trình thi công trong khu vực sản xuất thiếu các biện pháp an toàn, không tuân thủ biện pháp an toàn thi công, giấy phép làm việc,... chưa được trang bị/ tuân thủ phương tiện bảo vệ cá nhân (QA, giày mũi, dây đai an toàn,...)	Nhà thầu không tuân thủ theo quy định. Thiếu kiểm tra giám sát	2	3	6	Loại 3	Định kỳ tổ chức họp các nhà thầu thi công, yêu cầu tuân thủ các quy định an toàn. Các BP kiểm tra, giám sát công tác thi công tại BP mình quản lý. P.ATMT lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát định kỳ lập Biên bản xử phạt NT và liên đới BP (nếu có)		Các BP P.ATMT	NT tuân thủ các quy định an toàn môi trường, giảm thiểu TNLD và vi phạm môi trường	Báo cáo kiểm tra hằng tháng Biên bản họp định kỳ	
		Chất lượng	Thời gian giao hàng lâu	Nguồn cung về thiết bị dự phòng chủ yếu phải nhập khẩu.	2	3	6	Loại 3	Tìm kiếm NCC có uy tín. Theo dõi danh mục các thiết bị cần mua và đặt mua kịp tiến độ.		P. Mua hàng	NCC giao hàng đúng kế hoạch.	Hồ sơ đánh giá NCC. Bảng tiến độ mua vật tư dự phòng.	
5	Khách hàng	Chất lượng	Khách hàng phản nản về thủ tục xuất hàng, chất lượng sản phẩm.	Thiếu sự trao đổi rõ ràng, kịp thời trong giai đoạn đàm phán, thực hiện hợp đồng. Sự không ổn định theo các giai đoạn sản xuất làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm.	2	3	6	Loại 3	Cập nhật thông tin, trao đổi kịp thời với khách hàng khi có hợp đồng mới. Đánh giá chất lượng sản phẩm theo các giai đoạn sản xuất, phân tích nguyên nhân giải pháp để khắc phục.		P.QLCL, P.KD	Khách hàng không phản nản về chất lượng sản phẩm, thủ tục giao hàng.	Điều khoản hợp đồng, hồ sơ chất lượng sản phẩm. Hồ sơ khiếu nại của KH theo QT.06	
		Chất lượng	Khách hàng nước ngoài yêu cầu áp dụng chứng nhận nhiều tiêu chuẩn.	Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa ở các thị trường là khác nhau.	2	3	6	Loại 3	Thuê đơn vị tư vấn, đánh giá theo tiêu chuẩn tại các thị trường mà công ty cung cấp sản phẩm.		P.QLCL, P.KD	Đáp ứng các tiêu chuẩn nước ngoài.	Giấy chứng nhận.	
		Chất lượng	Duy trì mạng lưới khách hàng truyền thống.											
6	Tài chính: tỉ lệ lạm phát, tỷ giá, chính sách tiền tệ, ...	Chất lượng	Không đạt kế hoạch tài chính.	Tỷ lệ lạm phát tăng cao, tỷ giá thay đổi. Một số giá thành các NVL tăng cao.	1	3	3	Loại 4	Phòng Kế toán/P. Mua hàng thống kê, phân tích chi phí, giá thành sản xuất hàng tháng, báo cáo BGD kịp thời rà soát, cắt giảm các chi phí không cố định.		P.KT, P. Mua hàng	Ổn định giá thành sản xuất.	Báo cáo tài chính của P.KT	
7	Văn hoá: cục bộ, địa phương/ đa sắc tộc, đa văn hoá, phong tục, tập quan, lễ hội, trang phục, ngôn ngữ, tín ngưỡng, tôn giáo, kiến trúc, mỹ thuật, ...	Chất lượng	Đặc điểm của người tiêu dùng Việt Nam là có độ trung thành với thương hiệu cao.											
		Chất lượng	Giao lưu và hòa nhập giữa các nền văn hóa thế giới phát triển mạnh.											
8	Xã hội, tự nhiên: cơ cấu dân số, sự phát triển dân số, phân bố dân, đặc tính con người, vị trí địa lý, khí hậu, giao thông, dịch bệnh thiên tai...	Chất lượng	Khó khăn trong việc tuyển dụng nhân sự do đặc thù ngành và cạnh tranh nhân lực của các Công ty lân cận, dịch bệnh covid...	Cơ cấu dân số ngày càng già đi, người lao động tại địa phương đến các thành phố lớn để tìm việc làm.	2	3	6	Loại 3	P.NS tham mưu cho BGD các chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhằm tuyển dụng được NLD đáp ứng được các yêu cầu công việc. Duy trì và tìm thêm các kênh tuyển dụng mới.		P.NS	Duy trì ổn định lượng nhân sự. Tỉ lệ nghỉ việc không vượt quá số lượng nhân sự mới tuyển vào. Số năm thâm niên của CBNV tăng lên theo từng năm.	Hồ sơ theo dõi nhân sự theo QT.04	
		ATMT	Dịch bệnh thiên tai khó khăn cho việc duy trì hoạt động sản xuất.	Dịch bệnh thiên tai kéo dài bị hạn chế đi lại, giao dịch, tuyển dụng mới.	2	3	6	Loại 3	Lập kế hoạch định biên tối thiểu duy trì sản xuất. Xây dựng phương án phòng/ chống dịch bệnh thiên tai để sẵn sàng ứng phó.		P.ATMT, P.NS, Các BP	Các sự cố phát sinh liên quan có thể kiểm soát thông qua Hướng dẫn, diễn tập, báo cáo ứng phó.	Hồ sơ ứng phó sự cố dịch bệnh, thiên tai theo QT.18.04	
		ATMT	Khí hậu có hai mùa rõ rệt giúp công ty chủ động hơn trong xây dựng phương án xây dựng kế hoạch sản xuất.											




STT	Quá trình	Lĩnh vực	Rủi ro và cơ hội	Nguyên nhân	Đánh giá rủi ro			Mức độ rủi ro	Hành động giải quyết rủi ro	Hành động bổ sung nếu có rủi ro cao	BP thực hiện	Kết quả mong đợi	Phương pháp xác nhận kết quả	Ghi chú
					KNXR	MDNT	Kết quả							
9	Cộng đồng địa phương.	Chất lượng	Giải quyết việc làm cho dân cư địa phương.											
		ATMT	Dân cư xung quanh bị ảnh hưởng bởi hoạt động sản xuất của Công ty	Ảnh hưởng bụi, tiếng ồn trong quá trình sản xuất, thi công hạng mục mới.	1	4	4	Loại 3	Tham vấn lấy ý kiến cộng đồng khi thực hiện Giấy phép môi trường. Thực hiện các kế hoạch an sinh xã hội, tái định cư cho dân cư bị ảnh hưởng.		P.HCDN, P.ATMT	Hoạt động sản xuất, thi công không ảnh hưởng tới dân cư. Các ngưỡng bụi, tiếng ồn duy trì trong khoảng cho phép.	Kết quả tham vấn, kế hoạch xử lý chất thải, kết quả quan trắc mẫu... tại giấy phép môi trường được cấp 7/2023.	
10	Công nghệ: công nghệ mới/ cũ; thiết bị mới/ cũ có năng suất, chất lượng cao/ thấp.	Chất lượng	Chất lượng sản phẩm giảm theo thời gian.	Dây chuyền thiết bị sản xuất theo thời gian bị hư hỏng, sự cố, công nghệ dần trở nên lỗi thời.	1	3	3	Loại 4	Đầu tư dây truyền sản xuất hiện đại. Nghiên cứu, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nhằm tăng độ bền trong suốt thời hạn sử dụng.		P.CN, NM	Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm	Hồ sơ khen thưởng sáng kiến cải tiến.	
		Chất lượng	Sự xuất hiện của công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới	Yêu cầu về chỉ số phát thải, tối ưu năng lực sản xuất tăng cao, tạo áp lực phải thay đổi công nghệ để đáp ứng.	2	3	6	Loại 3	Nghiên cứu dây chuyền mới. Thực hiện kiểm kê các nguồn phát thải. Tạo văn hóa tuyên dương cho các sáng kiến cải tiến kỹ thuật.		P.CHN	Tăng sản lượng, giảm chi phí.	Hồ sơ khen thưởng sáng kiến. Kế hoạch Kiểm kê KNK và giám phát thải KNK.	
11	Thị trường.	Chất lượng	Tăng sản lượng không tương xứng với sức mua.	Lạm phát khiến nhu cầu xây dựng giảm.	2	2	4	Loại 3	Xây dựng kế hoạch sản xuất tương xứng với nhu cầu của thị trường.		P.CHN	Giảm tồn kho, tối ưu chi phí sản xuất.	Kế hoạch sản xuất, dừng sản xuất.	
		ATMT	Yêu cầu về bảo vệ môi trường cho thị trường xuất khẩu ngày càng cao, không kịp thời đáp ứng.	Tiếp cận, triển khai chậm do chưa được sự quan tâm xúc tiến kịp thời.	2	3	6	Loại 3	Khi có các yêu cầu mới về chứng nhận của các thị trường xuất khẩu P.KD đầu mối xúc tiến. P.CHN tiếp nhận và lập kế hoạch triển khai chung, thuê đơn vị tư vấn (nếu cần).		P.KD, P.CHN	Phát triển bền vững.	Chứng nhận hàng xuất khẩu.	
		Chất lượng	Những áp lực khi thị trường biến động.	Thị trường trong nước và thế giới giảm, nhu cầu của khách hàng thấp ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của Công ty.	2	3	6	Loại 3	Khảo sát đưa ra dự đoán thị trường chung, tối ưu hóa nhu cầu của khách hàng đáp ứng tối đa đơn hàng đồng thời thực hiện cắt giảm sản lượng tối ưu chi phí .		P.KD, P.CN	Duy trì lợi nhuận. Cắt giảm chi phí.	Báo cáo doanh thu chi phí.	
				Các nhà sản xuất Trung Quốc tăng cường xuất khẩu.	1	3	3	Loại 4	Tập trung nâng cao chất lượng. Nâng cao tầm ảnh hưởng ở thị trường trong nước. Tìm kiếm cơ hội ở các thị trường nước ngoài.		P.KD, P.QLCL	Duy trì thị phần trong nước. Tăng sản lượng xuất khẩu.	Hồ sơ QLCL sản phẩm. Các GCN đáp ứng tiêu chuẩn ở các nước nhập khẩu.	
12	Các điều kiện môi trường.	Năng lượng	Thất thoát nhiệt, hao phí năng lượng.	Mất cân bằng khi sử dụng nguồn năng lượng, sử dụng không đúng mục đích, lãng phí năng lượng.	2	2	4	Loại 3	Thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng.		P.CN, P.TBD, P.TBC, NM	Tối ưu nguồn năng lượng, giảm chi phí sản xuất, giám phát thải.	Báo cáo tiết kiệm năng lượng.	
		ATMT	Độ ẩm cao, nguồn nước bị nhiễm mặn.	Khu vực có độ ẩm cao, nguồn nước bị nhiễm mặn vượt tiêu chuẩn vào mùa khô.	2	3	6	Loại 3	Sử dụng nguồn nước ít nhiễm mặn. Tìm giải pháp giảm mặn: Độ mặn từ trạm bơm nước thô vượt quá 100mg/L không bơm về KLH mà sử dụng nước dự phòng từ 2 hồ: Tân Hoà và Cà Ninh. Tăng cường tiết kiệm nước vào mùa khô.		P.TBC, P.ATMT	Được cấp phép khai thác nước mặt tại các vị trí nước ít nhiễm mặn.	Giấy phép khai thác nước mặt.	
		ATMT	Vị trí địa lý Quảng Ngãi có bão lớn, mưa lớn kéo dài, nước sông dâng cao gây ngập; hàng năm có thể tiếp nhận nhiều cơn bão lớn.	Vị trí địa lý của Quảng Ngãi	2	3	6	Loại 3	Thành lập ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão, mua sắm vật tư phòng chống lụt bão, thực hiện diễn tập sự cố lụt bão. Tiến hành xem xét mua các gói bảo hiểm thiên tai.		B.PCLB, P.ATMT, P.KT	Chủ động phương án ứng phó vào mùa mưa bão. Các thiệt hại được chi trả thông qua bảo hiểm.	Hồ sơ hoạt động Ban Phòng chống lụt bão, kế hoạch mua vật tư Phòng chống lụt bão. Các gói bảo hiểm đang triển khai.	
C	NHU CẦU VÀ MONG ĐỢI CỦA CÁC BÊN QUAN TÂM													
STT	Bên quan tâm			Nhu cầu và mong đợi									Ghi chú	
1	Chính phủ, các cơ quan NN. Tổ chức chứng nhận. Trường học.			Hiểu biết và tuân thủ các yêu cầu pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường, an toàn, năng lượng người lao động và tài chính. Cung cấp thông tin đầy đủ khi có yêu cầu từ CQNN. Hợp tác lâu dài trong việc duy trì và cải tiến lĩnh vực chứng nhận. Tuân thủ điều khoản về sử dụng logo của tổ chức đánh giá. Hiểu và đào tạo đúng nhu cầu cung cấp nhân lực cần thiết.										
2	Dân cư địa phương.			Không làm ô nhiễm môi trường, không có các tai nạn lao động hay các sự cố về môi trường.										
				Sử dụng lao động địa phương.										
				Tham gia công tác an sinh xã hội.										
3	Khách hàng.			Sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu, bảo vệ môi trường và không ngừng nâng cao sự thỏa mãn khách hàng. Giá cả hợp lý, giao hàng đúng hạn.										
4	Nhà cung ứng bên ngoài, nhà thầu.			Yêu cầu (quy định, tiêu chuẩn) đầy đủ, rõ ràng; có chính sách thúc đẩy mối quan hệ hợp tác bền vững, lâu dài. Thanh toán đúng hạn và đầy đủ.										
5	Đối thủ cạnh tranh.			Cạnh tranh công bằng. Đạo đức kinh doanh.										
6	Hội đồng quản trị, BGD, cổ đông, nhà đầu tư. Công ty trong Tập đoàn.			Kết quả tài chính tốt, tuân thủ các yêu cầu pháp luật, phát triển bền vững, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm xã hội. Hỗ trợ sản xuất, vật tư, kỹ thuật.										
7	Ngân hàng.			Kết quả hoạt động tài chính tốt.										
8	Người lao động.			Phát triển nghề nghiệp, đảm bảo công việc lâu dài, môi trường làm việc tốt, chế độ lương thưởng tốt đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Có các quy trình, hướng dẫn công việc rõ ràng. Trả lương chính xác, đúng hạn.										
9	Công đoàn.			Công ty tuân thủ các yêu cầu pháp luật liên quan đến luật lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, môi trường, an toàn, năng lượng người lao động và tài chính.										
10	Bảo hiểm.			Không khiếu nại đòi bồi thường, trả tiền nhanh, quản lý rủi ro.										
11	Công chúng. Doanh nghiệp xung quanh.			Chủ sử dụng lao động tốt, đóng góp cho nền kinh tế địa phương, tuân thủ pháp luật. Không gây ô nhiễm môi trường. Hợp tác trong sản xuất.										

Dại diện lãnh đạo




Phạm Thị Hương



Ngô Quang Hồng

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 07 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Hải Anh

OS231091999